BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56 /2025/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định chế độ nghỉ của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định chế độ nghỉ của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các chế độ nghỉ, thẩm quyền giải quyết, đăng ký, quản lý, đình chỉ chế độ nghỉ đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại ngũ, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại ngũ (sau đây viết gọn là quân nhân); công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng (sau đây viết gọn là công nhân và viên chức quốc phòng); các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Các chế độ nghỉ

1. Quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được hưởng các chế độ nghỉ sau:

a) Nghỉ hằng ngày ngoài giờ làm việc;

b) Nghỉ hằng tuần;

c) Nghỉ phép hằng năm;

d) Nghỉ phép đặc biệt;

đ) Nghỉ ngày lễ, tết;

e) Nghỉ an điều dưỡng;

g) Nghỉ chuẩn bị hưu.

2. Ngoài các chế độ nghỉ quy định tại khoản 1 Điều này, quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được nghỉ chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và an toàn, vệ sinh lao động.

3. Khi thực hiện các chế độ nghỉ quy định tại khoản 1 Điều này, quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được phép ra khỏi doanh trại; được hưởng tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có) theo quy định hiện hành.

4. Quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng thực hiện chế độ nghỉ quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này, thời gian đi đường không tính vào số ngày được nghỉ phép.

5. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng không được bố trí nghỉ hằng năm, thì việc thanh toán đối với những ngày không nghỉ thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2024 và khoản 1 Điều 38 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015.

6. Thời gian công tác quy định tại Thông tư này được tính bằng tổng thời gian quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (không bao gồm thời gian đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần).

Điều 4. Nghỉ hằng ngày ngoài giờ làm việc

Quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được nghỉ hằng ngày ngoài giờ làm việc. Chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên ban hành quy chế nghỉ hằng ngày, phù hợp tính chất, đặc điểm nhiệm vụ đơn vị; hoàn cảnh, điều kiện của quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng; bảo đảm khả năng sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Nghỉ hằng tuần

Hằng tuần, quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được nghỉ ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật. Khi đơn vị thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu hoặc do yêu cầu nhiệm vụ khác, chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên căn cứ tình hình cụ thể của đơn vị, tổ chức thực hiện chế độ nghỉ hằng tuần cho phù hợp.

Điều 6. Nghỉ phép hằng năm

1. Quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được nghỉ phép hằng năm, thời gian nghỉ tương ứng số năm công tác như sau:

a) Dưới 15 năm công tác: Được nghỉ 20 ngày;

b) Từ đủ 15 năm đến dưới 25 năm công tác: Được nghỉ 25 ngày;

c) Từ đủ 25 năm công tác trở lên: Được nghỉ 30 ngày.

2. Quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng đóng quân ở đơn vị xa nơi đăng ký nghỉ phép (nơi cư trú của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp; bố, mẹ, người nuôi dưỡng hợp pháp của bản thân, của vợ hoặc của chồng), khi nghỉ phép hằng năm được nghỉ thêm:

a) 10 ngày đối với một trong các trường hợp sau:

Đơn vị đóng quân cách nơi đăng ký nghỉ phép từ 500 km trở lên;

Đóng quân ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới cách nơi đăng ký nghỉ phép từ 300 km trở lên.

Đóng quân tại các đảo thuộc quần đảo Trường Sa và Nhà giàn DK.

b) 05 ngày đối với một trong các trường hợp sau:

Đơn vị đóng quân cách nơi đăng ký nghỉ phép từ 300 km đến dưới 500 km;

Đóng quân ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới cách nơi đăng ký nghỉ phép từ 200 km đến dưới 300 km.

Đóng quân tại các đảo được hưởng phụ cấp khu vực.

3. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên có trách nhiệm lập kế hoạch nghỉ phép cho quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng; căn cứ tính chất, yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị để xác định tỷ lệ nghỉ cho phù hợp, bảo đảm khả năng sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các học viện, nhà trường bố trí cho quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ phép chủ yếu trong thời gian học viên nghỉ hè.

Điều 7. Nghỉ phép đặc biệt

Ngoài chế độ nghỉ phép hằng năm, quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được nghỉ phép đặc biệt, mỗi lần không quá 10 ngày nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Bản thân kết hôn hoặc con đẻ, con nuôi hợp pháp kết hôn.

2. Gia đình gặp khó khăn đột xuất do vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp; bố, mẹ, người nuôi dưỡng hợp pháp của bản thân, của vợ hoặc của chồng bị đau ốm nặng, tai nạn rủi ro, hy sinh, từ trần hoặc bị thiệt hại nặng về tài sản do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm gây ra.

Điều 8. Nghỉ ngày lễ, tết

1. Hằng năm, quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được nghỉ ngày lễ, tết theo quy định của Bộ luật Lao động và ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam - Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22 tháng 12).

2. Đối với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu hoặc do yêu cầu nhiệm vụ, chế độ nghỉ quy định tại khoản 1 Điều này do chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên căn cứ tình hình nhiệm vụ của đơn vị tổ chức thực hiện cho phù hợp.

Điều 9. Nghỉ an điều dưỡng

Quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được nghỉ an điều dưỡng theo quy định tại Thông tư số 179/2013/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, quản lý hoạt động các Đoàn an điều dưỡng và chế độ an điều dưỡng trong Quân đội.

Điều 10. Nghỉ chuẩn bị hưu

1. Quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu, được nghỉ chuẩn bị hưu thời gian tương ứng số năm công tác như sau:

a) Từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác: Được nghỉ 06 tháng;

b) Từ đủ 20 năm đến dưới 25 năm công tác: Được nghỉ 09 tháng;

c) Từ đủ 25 năm công tác trở lên: Được nghỉ 12 tháng.

2. Thời gian nghỉ chuẩn bị hưu theo quy định tại khoản 1 Điều này, quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng được đóng và tính là thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

3. Trong thời gian nghỉ chuẩn bị hưu, quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 157/2013/TT-BQP ngày 26 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, điều trị, chăm sóc, giải quyết chính sách đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu do Quân đội quản lý bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 11. Đăng ký, quản lý chế độ nghỉ

1. Quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng khi có nguyện vọng giải quyết chế độ nghỉ phải đăng ký theo phân cấp quản lý về thời điểm, thời gian, lý do và nơi nghỉ để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết và quản lý theo quy định.

2. Trong thời gian nghỉ phép, quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng có trách nhiệm đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nghỉ phép.

Điều 12. Thẩm quyền giải quyết các chế độ nghỉ

1. Thẩm quyền giải quyết các chế độ nghỉ quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 và Điều 9 được thực hiện như sau:

a) Trung đoàn trưởng, Chính ủy trung đoàn và tương đương trở lên giải quyết cho quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc quyền;

b) Sĩ quan giữ chức vụ từ Trung đoàn trưởng, Chính ủy trung đoàn và tương đương trở lên do chỉ huy, chính ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

2. Thẩm quyền giải quyết nghỉ chuẩn bị hưu quy định tại Điều 10 Thông tư này thực hiện theo Quy chế lãnh đạo công tác cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam của Quân ủy Trung ương; Thông tư số 170/2016/TT-BQP ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cấp bậc quân hàm quân nhân chuyên nghiệp tương ứng với mức lương, phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm trong trường hợp bị kỷ luật hạ bậc lương; trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2021/TT-BQP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 13. Đình chỉ chế độ nghỉ

1. Khi có lệnh công bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng trong cả nước, lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, việc đình chỉ các chế độ nghỉ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015 và khoản 2 Điều 2 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999; được sửa đổi, bổ sung năm 2008, năm 2014 và năm 2024.

2. Khi đơn vị có nhiệm vụ khẩn cấp, đặc biệt, chỉ huy cấp nào có thẩm quyền giải quyết các chế độ nghỉ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này thì được quyền gọi quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng về đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư số 153/2017/TT-BQP ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ nghỉ của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Thông tư số 113/2016/TT-BQP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ nghỉ của quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Công chức quốc phòng phục vụ trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện chế độ nghỉ quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang